UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚC HÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83 /QĐ- UBND	*Phúc Hà, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022 của xã Phúc Hà

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC HÀ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 13666QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ- HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã Phúc Hà khóa XXIV nhiệm kỳ 2021-2026 về việc phê duyệt quyết toán ngân sách Nhà nước xã Phúc Hà năm 2022;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã Phúc Hà,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Phúc Hà (Theo các mẫu biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày.

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê, Công chức Tài chính - Kế toán xã và các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phòng TC-KH thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ xã;
- Các tổ chức chính trị xã;
- Trụ sở UBND xã;
- Các ông, bà Trưởng xóm;
- Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Nhất

UBND XÃ PHÚC HÀ
Mã QHNS: 1031995

Biểu số 115/CKTC-NSNN

BIỂU TỔNG HỢP
THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC
Năm 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)
A	1	2	3	4	5	6
TỔNG SỐ			**81.250.350**	**103.580.000**	**72.106.300**	**112.724.050**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách			**81.250.350**	**103.580.000**	**72.106.300**	**112.724.050**
+ Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa			5.939.350	21.020.000		26.959.350
+ Quỹ Vì tuổi thơ			516.000	10.170.000	9.285.000	1.401.000
+ Quỹ Khuyến học				10.920.000	10.920.000	0
+ Quỹ Vì người nghèo			50.970.000	10.170.000	9.200.000	51.940.000
+ Quỹ Phòng chống Thiên tai				10.170.000	10.170.000	0
+ Quỹ Chữ thập đỏ				10.170.000	9.991.300	178.700
+ Quỹ Chăm sóc người cao tuổi			6.275.000	20.340.000	20.540.000	6.075.000
+ Quỹ Da cam			17.550.000	10.620.000	2.000.000	26.170.000
2. Các hoạt động sự nghiệp						

UBND XÃ PHÚC HÀ

Biểu số 116/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**7.055.258.737**	**TỔNG SỐ CHI**	**6.714.159.671**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	250.002.000	I. Chi đầu tư phát triển	267.338.883
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.659.788.274	II. Chi thường xuyên	5.099.474.922
III. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang ngân sách năm sau	498.603.845	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau	1.327.345.866
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	135.269.318	IV.Nộp trả NS cấp trên	20.000.000
III. Thu bổ sung	3.511.595.300		
- Bổ sung cân đối	2.479.677.000		
- Bổ sung có mục tiêu	1.031.918.300		
Kết dư ngân sách	**341.099.066**		

UBND Xã Phúc Hà
Mã QHNS: 1031995

Biểu số 117/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	**8.762.986.463**	**5.869.468.463**	**9.794.092.620**	**7.055.258.737**	**111,77**	**120,20**
Tổng số thu trong cân đối năm 2022	*4.413.000.000*	*1.724.000.000*	*5.648.624.157*	*2.909.790.274*	**128,00**	**168,78**
I. Các khoản thu 100%	**37.000.000**	**37.000.000**	**250.002.000**	**250.002.000**	**675,68**	**675,68**
- Phí. lệ phí	20.000.000	20.000.000	25.884.000	25.884.000	129,42	129,42
- Thu lệ phí môn bài	7.000.000	7.000.000	7.600.000	7.600.000	108,57	108,57
- Đóng góp của nhân dân theo quy định	144.540.000	144.540.000	144.540.000	144.540.000	100	100
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức. cá nhân	59.978.000	59.978.000	59.978.000	59.978.000	100	100
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	12.000.000	12.000.000	120	120
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**4.376.000.000**	**1.687.000.000**	**5.398.622.157**	**2.659.788.274**	**123,37**	**157,66**
1. Các khoản thu phân chia	1.435.000.000	1.435.000.000	1.969.196.029	1.969.196.029	137,23	137,23
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170.000.000	170.000.000	382.502.168	382.502.168	225,00	225,00
- Lệ phí trước bạ nhà. đất	1.265.000.000	1.265.000.000	1.586.693.861	1.586.693.861	125,43	125,43
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.941.000.000	252.000.000	3.429.426.128	690.592.245	116,61	274,04
- Thuế giá trị gia tăng	30.000.000	27.000.000	30.675.053	27.607.554	102,25	102,25
- Thuế thu nhập cá nhân	250.000.000	225.000.000	736.649.652	662.984.691	294,66	294,66
- Thu tiền chậm nộp thuế khác			763.887			
- Thuế TNCN từ (Hộ)	15.000.000		15.337.536		102,25	
- Tiền thuê đất	2.646.000.000		2.646.000.000		100	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	**498.603.845**	**498.603.845**	**498.603.845**	**498.603.845**	**100**	**100**
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	**135.269.318**	**135.269.318**	**135.269.318**	**135.269.318**	**100**	**100**
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**3.511.595.300**	**3.511.595.300**	**3.511.595.300**	**3.511.595.300**	**100**	**100**
- Bổ sung cân đối ngân sách	2.479.677.000	2.479.677.000	2.479.677.000	2.479.677.000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu	1.031.918.300	1.031.918.300	1.031.918.300	1.031.918.300	100	100

UBND Xã Phúc Hà
Mã QHNS: 1031995

Biểu số 117/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	**8.762.986.463**	**5.869.468.463**	**9.794.092.620**	**7.055.258.737**	**111,77**	**120,20**
Tổng số thu trong cân đối năm 2022	*4.413.000.000*	*1.724.000.000*	*5.648.624.157*	*2.909.790.274*	**128,00**	**168,78**
I. Các khoản thu 100%	**37.000.000**	**37.000.000**	**250.002.000**	**250.002.000**	**675,68**	**675,68**
- Phí. lệ phí	20.000.000	20.000.000	25.884.000	25.884.000	129,42	129,42
- Thu lệ phí môn bài	7.000.000	7.000.000	7.600.000	7.600.000	108,57	108,57
- Đóng góp của nhân dân theo quy định	144.540.000	144.540.000	144.540.000	144.540.000	100	100
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức. cá nhân	59.978.000	59.978.000	59.978.000	59.978.000	100	100
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	12.000.000	12.000.000	120	120
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**4.376.000.000**	**1.687.000.000**	**5.398.622.157**	**2.659.788.274**	**123,37**	**157,66**
1. Các khoản thu phân chia	1.435.000.000	1.435.000.000	1.969.196.029	1.969.196.029	137,23	137,23
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170.000.000	170.000.000	382.502.168	382.502.168	225,00	225,00
- Lệ phí trước bạ nhà. đất	1.265.000.000	1.265.000.000	1.586.693.861	1.586.693.861	125,43	125,43
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.941.000.000	252.000.000	3.429.426.128	690.592.245	116,61	274,04
- Thuế giá trị gia tăng	30.000.000	27.000.000	30.675.053	27.607.554	102,25	102,25
- Thuế thu nhập cá nhân	250.000.000	225.000.000	736.649.652	662.984.691	294,66	294,66
- Thu tiền chậm nộp thuế khác			763.887			
- Thuế TNCN từ (Hộ)	15.000.000		15.337.536		102,25	
- Tiền thuê đất	2.646.000.000		2.646.000.000		100	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	**498.603.845**	**498.603.845**	**498.603.845**	**498.603.845**	**100**	**100**
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	**135.269.318**	**135.269.318**	**135.269.318**	**135.269.318**	**100**	**100**
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**3.511.595.300**	**3.511.595.300**	**3.511.595.300**	**3.511.595.300**	**100**	**100**
- Bổ sung cân đối ngân sách	2.479.677.000	2.479.677.000	2.479.677.000	2.479.677.000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu	1.031.918.300	1.031.918.300	1.031.918.300	1.031.918.300	100	100

UBND Xã Phúc Hà
Mã QHNS: 1031995

Biểu số 118/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	**5.499.706.183**	**267.338.883**	**5.232.367.300**	**6.714.159.671**	**267.338.883**	**6.446.820.788**	**123,21**		**123,21**
A. Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	**5.407.706.183**	**267.338.883**	**5.140.367.300**	**5.386.813.805**	**267.338.883**	**5.119.474.922**	**99,5936**		**99,59**
I. Chi đầu tư phát triển	**267.338.883**	**267.338.883**		**267.338.883**	**267.338.883**		**100**	**100**	
1. Chi đầu tư XDCB	267.338.883	267.338.883		267.338.883	267.338.883		100	100	
2. Chi đầu tư phát triển khác									
II. Chi thường xuyên	**5.407.706.183**		**5.140.367.300**	**5.386.813.805**		**5.119.474.922**	**99,5936**		**99,59**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ. trật tư an toàn xã hội	798.698.900		798.698.900	798.525.715		798.525.715	99,98		99,98
- Chi dân quân tự vệ	358.540.000		358.540.000	358.393.415		358.393.415	99,96		99,96
- Chi trật tư an toàn xã hội	440.158.900		440.158.900	440.132.300		440.132.300	99,99		99,99
2. Chi giáo dục				0					
3. Chi ứng dụng. chuyển giao công nghệ				0					
4. Chi y tế				0					
5. Chi văn hóa. thông tin	102.881.652		102.881.652	102.881.652		102.881.652	100,00		100,00
6. Chi phát thanh. truyền hình				0					
7. Chi thể dục. thể thao	25.000.000		25.000.000	25.000.000		25.000.000	100		100
8. Chi bảo vệ môi trường				0					
9. Chi các hoạt động kinh tế	**293.918.883**	**267.338.883**	**26.580.000**	**293.918.883**	**267.338.883**	**26.580.000**	**100**		**100**
- Giao thông	267.338.883	267.338.883		267.338.883	267.338.883		100	100	
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	26.580.000		26.580.000	26.580.000		26.580.000	100		100

10. Chi quản lý Nhà nước. Đảng. đoàn thể	***3.637.662.748***		***3.637.662.748***	***3.617.235.726***		***3.617.235.726***	***99,438***		***99,438***
Trong đó: Quỹ lương				3.151.229.772		3.151.229.772			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.930.000.000		1.930.000.000	1.927.108.882		1.927.108.882	99,85		99,85
10.2. Hội đồng nhân dân	293.000.000		293.000.000	292.971.107		292.971.107	99,99		99,99
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	615.338.000		615.338.000	615.151.313		615.151.313	99,97		99,97
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	218.078.000		218.078.000	216.527.380		216.527.380	99,29		99,29
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	139.100.000		139.100.000	137.336.793		137.336.793	98,73		98,73
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	118.300.000		118.300.000	107.290.764		107.290.764	90,69		90,69
10.7. Hội Cựu chiến binh	102.946.748		102.946.748	102.030.375		102.030.375	99,11		99,11
10.8. Hội Nông dân	83.000.000		83.000.000	82.504.312		82.504.312	99,40		99,40
10.9. (Hội Chữ Thập đỏ + Hội NC Tuổi)	51.500.000		51.500.000	51.136.800		51.136.800	99,29		99,29
10.10.Chi H.Đặc thù (TNXP, DC, KH, Đy, NM)	86.400.000		86.400.000	85.178.000		85.178.000	98,59		98,59
11. Chi cho công tác xã hội	**549.544.000**		**549.544.000**	***549.251.829***		***549.251.829***	**99,95**		**99,95**
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	46.044.000		46.044.000	45.988.000		45.988.000	99,88		99,88
- Trẻ mồ côi. người già không nơi nương tựa				0					
- Trợ cấp xã hội (Hỗ Trợ nhà ở NCCCM	480.000.000		480.000.000	460.000.000		460.000.000	95,83		95,83
- Khác	43.500.000		43.500.000	43.263.829		43.263.829	99,46		99,46
12. Chi khác *(Nộp trả TP 1 nhà không làm)*	***-20.000.000***		***-20.000.000***						
13. Dự phòng									
III. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	**92.000.000**		**92.000.000**	**1.327.345.866**		**1.327.345.866**			
- Chi chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương				1.235.155.866		1.235.155.866			
- Chi chuyển nguồn khác theo quy định (Nguồn sự nghiệp XDNTM)	92.000.000		92.000.000	92.190.000		92.190.000			

UBND XÃ PHÚC HÀ

Biểu số 119/CKTC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công- hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
			Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		**12 579 577 797**	**3 344 145 000**	**9 026 101 152**	**1 231 121 978**		**963 783 095**	**267 338 883**
1	**Công trình chuyển tiếp**		**9 297 894 000**	**2 844 145 000**	**8 726 101 152**	**144 540 000**			**144 540 000**
1.1	Cải tạo nâng cấp đường BT trục xã, liên xã Phúc Hà đoạn đi qua xóm 2,4,5 và liên xóm 7,8,10,11	2018-2019	9 297 894 000	2 844 145 000	8 726 101 152	144.540.000			144.540.000
2	**Công trình khởi công mới**		**3 281 683 797**	**500 000 000**	**300 000 000**	**1 086 581 978**		**963 783 095**	**122 798 883**
2.1	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung xóm Hà	2022-2023	783 938 276		300 000 000	240.783.095		240.783.095	
2.2	Cải tạo, sửa chữa đường liên xã Phúc Hà, TP TN	2 022	2 497 745 521	500 000 000		845.798.883		723.000.000	122.798.883

Biểu số 120/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

UBND Xã Phúc Hà
Mã QHNS: 1031995

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH				THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH	TỒN 2021	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)
A	1	2	3		4	5	6
TỔNG SỐ	**103.580.000**	**103.580.000**	**0**	**81.250.350**	**103.580.000**	**72.106.300**	**112.724.050**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	**103.580.000**	**103.580.000**	**0**	**81.250.350**	**103.580.000**	**72.106.300**	**112.724.050**
+ Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa	21.020.000	21.020.000	0	**5.939.350**	21.020.000		26.959.350
+ Quỹ Vì tuổi thơ	10.170.000	10.170.000	0	**516.000**	10.170.000	9.285.000	1.401.000
+ Quỹ Khuyến học	10.920.000	10.920.000	0		10.920.000	10.920.000	
+ Quỹ Vì người nghèo	10.170.000	10.170.000	0	**50.970.000**	10.170.000	9.200.000	51.940.000
+ Quỹ Phòng chống Thiên tai	10.170.000	10.170.000	0	**0**	10.170.000	10.170.000	
+ Quỹ Chữ thập đỏ	10.170.000	10.170.000	0	**0**	10.170.000	9.991.300	178.700
+ Quỹ Chăm sóc người cao tuổi	20.340.000	20.340.000	0	**6.275.000**	20.340.000	20.540.000	6.075.000
+ Quỹ Da cam	10.620.000	10.620.000	0	**17.550.000**	10.620.000	2.000.000	26.170.000
2. Các hoạt động sự nghiệp							

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC HÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phúc Hà, ngày 11 tháng 8 năm 2023

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
Công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách xã Phúc Hà năm 2022

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã Phúc Hà, khóa XXIV nhiệm kỳ 2021-2026 về việc phê chuẩn báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022 xã Phúc Hà;

UBND xã thực hiện công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách xã năm 2022 như sau:

1. Thu ngân sách năm 2022:

Tổng thu ngân sách xã năm 2022 là: 7.055.258.737đ/6.073.986.463đ đạt 116,16 % kế hoạch. Trong đó:

- Thu ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 2.705.272.274đ
- Thu chuyển nguồn ngân sách 2021 sang năm 2022: 498.603.845đ
- Thu kết dư ngân sách năm 2021: 135.269.318đ
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 3.511.595.300đ
- Thu các loại quỹ hoạt động tài chính khác: 103.580.000 đồng.

2. Chi ngân sách năm 2022:

Tổng chi ngân sách xã: 6.714.159.671đ/6.715.052.049đ đạt 99,99% KH

- Chi đầu tư XDCB: 267.338.883đ/267.338.883đ đạt 100% KH
- Chi thường xuyên: 5.119.474.922đ/5.120.367.300đ đạt 99,98% KH
- Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2022 sang năm 2023: 1.327.345.866đ trong đó :

+ Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương: 1.235.155.866đ

+ Chi chuyển nguồn khác theo quu định(nguồn chương trình MTQG XD NTM "nâng cao chất lượng môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn" : 92.190.000đ

Chi các quỹ tài chính khác 72.106.300 đồng

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân năm 2022:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2022 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2022 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong năm 2022 công tác tài chính - ngân sách của xã Phúc Hà gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và kê khai nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao như thuế vận tải, thuế xây dựng …

Trong năm 2022, UBND xã thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, năm 2022 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN	CHỦ TỊCH UBND
Hoàng Thị Thúy Hằng	Nguyễn Đức Nhất

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚC HÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /TB - UBND	*Phúc Hà, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai quyết toán thu - chi ngân sách xã Phúc Hà năm 2022

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND xã Phúc Hà Thông báo công khai quyết toán thu chi ngân sách xã Phúc Hà năm 2022 như sau:

1. Nội dung niêm yết công khai:

- Biểu Cân đối Quyết toán ngân sách xã *(Biểu số 116)*
- Biểu Quyết toán thu ngân sách xã (*Biểu số 117*)
- Biểu Quyết toán chi ngân sách xã (*Biểu số 118*)
- Biểu Quyết toán chi đầu tư phát triển *(Biểu 119)*
- Biểu Thực hiện thu, chi tài chính khác *(Biểu 120)*

2. Hình thức công khai

- Niêm yết công khai tại trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã;
- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã;
- Thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, HĐND, UB MTTQ, các tổ chức chính trị xã hộ, các ông bà trưởng xóm trong xã.

3. Thời gian công khai : 30 ngày liên tục kể từ ngày 11/08/2023 đến hết ngày 10/09/2023.

Trong thời gian niêm yết các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân có ý kiến phản ánh bằng văn bản gửi về Văn phòng UBND xã Phúc Hà.

Vậy UBND xã Phúc Hà Thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND xã để xem niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách xã Phúc Hà năm 2022 theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: -Phòng TC-KH TP TN -TT Đảng uỷ - HĐND xã ;Lãnh đạo UBND xã; - MTTQ và các tổ chức chính trị xã; -Trưởng xóm; - Như điều 3; - Lưu VP, KT.	**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Đức Nhất**